



SỞ GD & ĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỀN



KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

Giáo viên: Bùi Thị Tuyết

Môn: Tin Học

Tổ: Toán - Tin

Năm học 2025 – 2026



KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

TỔ: TOÁN - TIN

Họ và tên giáo viên: BÙI THỊ TUYẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN TIN HỌC LỚP 10

(Năm học 2025 - 2026)

I. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

a. Khối 10: 10/2, 10/4, 10/6

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Công cụ-thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)	Liệt kê các yêu cầu để giải thích cho việc phát triển năng lực số (6)
	Chủ đề 1: MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC					
1	Bài 1. Thông tin và xử lý thông tin(1,2LT)	2LT	Tuần 1	SGK, màn chiếu, bộ máy tính, bảng nhóm.	Trong lớp	1.1.NC1a: Đáp ứng được nhu cầu thông tin.
2	Bài 2. Vai trò của thiết bị thông minh và tin học đối với xã hội(3,4LT)	2LT	Tuần 2	SGK, màn chiếu, bộ máy tính, bảng nhóm.	Trong lớp	2.1.NC1a: Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác 2.1.NC1b: Cho người khác thấy phương tiện giao tiếp số phù hợp nhất cho một bối cảnh cụ thể.

3	Bài 7. Thực hành sử dụng thiết bị số thông dụng(5TH,6TH)	2TH	Tuần 3	PC, Thiết bị di động.	Phòng máy	2.1.NC1a: Sử dụng được nhiều công nghệ số để tương tác: 2.2.NC1a: Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua nhiều công cụ số phù hợp.
Chủ đề 2: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET						
4	Bài 8. Mạng máy tính trong cuộc sống hiện đại(7,8LT)	2LT	Tuần 4	SGK, Bài giảng, màn chiếu, bộ máy tính, GV, đường truyền Internet, phiếu học tập.	Trong lớp	1.3.NC1a: Thao tác được thông tin, dữ liệu và nội dung để tổ chức, lưu trữ và truy xuất dễ dàng hơn. 2.2.NC1a: Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua nhiều công cụ số phù hợp.
5	Bài 9. An toàn trên không gian mạng(9,10LT)	2LT	Tuần 5	SGK, Bài giảng, màn chiếu, bộ máy tính, GV, đường truyền Internet, phiếu học tập.	Trong lớp	4.1.NC1a: Áp dụng được các cách khác nhau để bảo vệ thiết bị và nội dung số. 4.1.NC1b: Nhận thức được sự đa dạng của các rủi ro và đe dọa trong môi trường số. 4.1.NC1c: Áp dụng được các biện pháp an toàn và bảo mật. 4.1.NC1d: Sử dụng được các cách thức khác nhau để quan tâm đến mức độ tin cậy và quyền riêng tư. 4.2.NC1a: Áp dụng được các cách thức khác nhau để bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường số. 2.6.NC1b: Áp dụng được các cách khác nhau để bảo vệ danh tính trực tuyến của bản thân.

	Bài 10. Thực hành khai thác tài nguyên trên Internet(11TH, 12TH)	2TH	Tuần 6	PC, Thiết bị di động	Phòng máy	<p>1.3.NC1a: Thao tác được thông tin, dữ liệu và nội dung để tổ chức, lưu trữ và truy xuất dễ dàng hơn.</p> <p>2.2.NC1a: Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua nhiều công cụ số phù hợp.</p> <p>2.3.NC1b: Sử dụng được các công nghệ số thích hợp để tự mình trang bị và tham gia vào xã hội như một công dân.</p> <p>2.6.NC1c: Sử dụng được dữ liệu tạo ra thông qua công cụ, môi trường và một số dịch vụ số.</p>
	Chủ đề 3: ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HOÁ TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ					
6	Bài 11. Ứng xử trên môi trường số. Nghĩa vụ tôn trọng bản quyền(13,14LT)	2LT	Tuần 7	SGK, Bài giảng, màn chiếu, bộ máy tính, bảng nhóm, phiếu học tập.	Trong lớp	<p>4.1.NC1b: Nhận thức được sự đa dạng của các rủi ro và đe dọa trong môi trường số.</p> <p>4.3.NC1a: Trình bày được các cách thức khác nhau để tránh rủi ro và đe dọa đến sức khỏe thể chất và tinh thần khi sử dụng công nghệ số.</p> <p>4.3.NC1b: Áp dụng được các cách thức khác nhau để bảo vệ bản thân và người khác khỏi nguy cơ trong môi trường số.</p>
7	Ôn tập (15)	1	Tuần 8	SGK, Bài giảng, màn chiếu	Trong lớp	

8	Kiểm tra giữa kì 1(16)	1	Tuần 8	Giấy kiểm tra, phần viết	Trong lớp	
	Chủ đề 4: ỨNG DỤNG TIN HỌC					
9	Bài 12. Phần mềm thiết kế đồ họa (ICT)(17LT+18TH)	1LT+1TH	Tuần 9	SGK, Bài giảng, màn chiếu, bộ máy tính GV đã cài phần mềm Inkscape, bảng nhóm.	Trong lớp,	3.1.NC1a: Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau. 5.2.NC1a: Đánh giá được nhu cầu cá nhân. 5.2.NC1b: Áp dụng được các công cụ số khác nhau và các giải pháp công nghệ có thể có để giải quyết những nhu cầu đó.
10	Bài 13. Bổ sung các đối tượng đồ họa (ICT)(19LT+20TH)	1LT+1TH	Tuần 10	SGK, Bài giảng, màn chiếu, bộ máy tính GV đã cài phần mềm Inkscape, bảng nhóm.	Trong lớp hoặc Phòng Máy	3.1.NC1a: Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau. 3.2.NC1a: Làm việc với các mục nội dung và thông tin mới khác nhau, sửa đổi, tinh chỉnh, cải thiện và tích hợp chúng để tạo ra những mục mới và độc đáo. 5.2.NC1a: Đánh giá được nhu cầu cá nhân. 5.2.NC1b: Áp dụng được các công cụ số khác nhau và các giải pháp công nghệ có thể có để giải quyết những nhu cầu đó.

11	Bài 14. Làm việc với đối tượng đường và văn bản (ICT)(21LT+22TH)	1LT+1TH	Tuần 11	SGK, Bài giảng, màn chiếu, bộ máy tính GV đã cài phần mềm Inkscape, bảng nhóm.	Trong lớp hoặc phòng Máy	<p>3.1.NC1a: Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau.</p> <p>3.2.NC1a: Làm việc với các mục nội dung và thông tin mới khác nhau, sửa đổi, tinh chỉnh, cải thiện và tích hợp chúng để tạo ra những mục mới và độc đáo.</p> <p>5.2.NC1a: Đánh giá được nhu cầu cá nhân.</p> <p>5.2.NC1b: Áp dụng được các công cụ số khác nhau và các giải pháp công nghệ có thể có để giải quyết những nhu cầu đó.</p>
12	Bài 15. Hoàn thiện hình ảnh đồ họa (ICT)(23TH+24TH)	2TH	Tuần 12	PC, Thiết bị di động	Phòng máy	<p>3.1.NC1a: Áp dụng được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung ở các định dạng khác nhau.</p> <p>3.2.NC1a: Làm việc với các mục nội dung và thông tin mới khác nhau, sửa đổi, tinh chỉnh, cải thiện và tích hợp chúng để tạo ra những mục mới và độc đáo.</p> <p>5.2.NC1a: Đánh giá được nhu cầu cá nhân.</p> <p>5.2.NC1b: Áp dụng được các công cụ số khác nhau và các giải pháp công nghệ có thể có để giải quyết những nhu cầu đó.</p>

	CHỦ ĐỀ 5. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH					
13	Bài 16. Ngôn ngữ lập trình bậc cao và Python(25LT+26TH)	1LT+1TH	Tuần 13	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm.	Trong lớp, Phòng máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.
14	Bài 17. Biến và lệnh gán(27LT+28TH)	1LT+1TH	Tuần 14	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm.	Trong lớp hoặc phòng Máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.
15	Bài 18. Các lệnh vào ra đơn giản(29LT+20TH)	1LT+1TH	Tuần 15	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm.	Trong lớp hoặc phòng Máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.
16	Bài 19. Câu lệnh rẽ nhánh if(31LT+32TH)	1LT+1TH	Tuần 16	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm.	Trong lớp hoặc phòng Máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.

17	Bài 20. Câu lệnh lặp For(33LT+34TH)	1LT+1TH	Tuần 17	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm.	Trong lớp hoặc phòng Máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.
8	Ôn tập cuối học kỳ 1 (35)	1	Tuần 18	Bài giảng, màn chiếu	Trong lớp	
9	Kiểm tra cuối học kỳ I (36)	1	Tuần 18	Giấy kiểm tra, phấn viết, Đề kiểm tra	Trong lớp	
18	Bài 21. Câu lệnh lặp While(37LT+38TH)	1LT+1TH	Tuần 19	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm.	Trong lớp, Phòng máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.
19	Bài 22. Kiểu dữ liệu danh sách(39LT+40TH)	1LT+1TH	Tuần 20	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm.	Trong lớp hoặc phòng Máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.
20	Bài 23. Một số lệnh làm việc với dữ liệu danh sách(41LT+42,43TH)	1LT+2TH	Tuần 21,22	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm.	Trong lớp hoặc phòng Máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.

21	Bài 24. Xâu kí tự(44LT+45TH)	1LT+1TH	Tuần 22,23	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm.	Trong lớp hoặc phòng Máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.
22	Bài 25. Một số lệnh làm việc với xâu kí tự(46LT+47,48TH)	1LT+2TH	Tuần 23,24	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm.	Trong lớp hoặc phòng Máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.
23	Bài 26. Hàm trong Python(49LT+50TH)	1LT+1TH	Tuần 25,25	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm.	Trong lớp hoặc phòng Máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.
24	Ôn tập GHK2(51)	1	Tuần 26	Bài giảng, màn chiếu	Trong lớp	
25	Kiểm tra giữa học kỳ 2(52)	1	Tuần 26	Giấy kiểm tra, phần viết, Đề kiểm tra	Trong lớp	
26	Bài 27. Tham số của hàm(53LT+ 54,55TH)	1LT+2TH	Tuần 27,28	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm.	Trong lớp, Phòng máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.

27	Bài 28. Phạm vi của biến(56LT+ 57,58TH)	1LT+2TH	Tuần 29	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm, phiếu học tập.	Trong lớp hoặc phòng Máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.
28	Bài 29. Nhận biết lỗi chương trình(59LT+ 60TH)	1LT+1TH	Tuần 30	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm, phiếu học tập.	Trong lớp hoặc phòng Máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.
29	Bài 30. Kiểm thử và gỡ lỗi chương trình(61,62)	1LT+1TH	Tuần 31	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm, phiếu học tập.	Trong lớp hoặc phòng Máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.
30	Bài 31. Thực hành viết chương trình đơn giản(63TH,64 TH)	1LT+1TH	Tuần 32	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python, bảng nhóm, phiếu học tập.	Trong lớp hoặc phòng Máy	3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.

31	Bài 32. Ôn tập lập trình Python(65TH+66 TH)	2TH	Tuần 33	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Python.		3.4.NC1a: Tự thao tác được bằng các hướng dẫn dành cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề khác hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác nhau.
CHỦ ĐỀ 6. HƯỚNG NGHIỆP VỚI TIN HỌC						
32	Bài 33. Nghề thiết kế đồ họa máy tính (67LT)	1	Tuần 34	Bài giảng, máy tính, màn chiếu, điện thoại thông minh	Trong lớp hoặc Phòng máy	1.1.NC1a: Đáp ứng được nhu cầu thông tin. 1.1.NC1b: Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. 1.2.NC1a: Thực hiện đánh giá được độ tin cậy và độ tin cậy của các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số. 5.2.NC1a: Đánh giá được nhu cầu cá nhân.
33	Bài 34. Nghề phát triển phần mềm(68LT)		Tuần 34	Bài giảng, máy tính, màn chiếu, điện thoại thông minh	Phòng máy	2.2.NC1a: Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua nhiều công cụ số phù hợp. 2.2.NC1c: Áp dụng được nhiều phương pháp tham chiếu và ghi nguồn khác nhau. 5.2.NC1a: Đánh giá được nhu cầu cá nhân.
34	Ôn tập cuối học kỳ 2(69)	1	Tuần 35	Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV, phần trắng+màu	Trong lớp	

35	Kiểm tra cuối học kỳ 2(70)	1	Tuần 35	Giấy kiểm tra, phần viết, Đề kiểm tra	Trong lớp	
----	-----------------------------------	---	---------	---------------------------------------	-----------	--

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

Không dạy chuyên đề

II. Nhiệm vụ khác (nếu có): (Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)

KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYÊN

TỔ: TOÁN - TIN

Họ và tên giáo viên: BÙI THỊ TUYẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN TIN HỌC LỚP 12

(Năm học 2025 - 2026)

I. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

a. Khối 12: 12/4, 12/6, 12/8, 12/9, 12/10, 12/12

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)	Liệt kê các YCCĐ để giải thích cho việc phát triển Năng lực số (6)
	Chủ đề 1: MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC					
1	Bài 1. Làm quen với Trí tuệ nhân tạo (1-2LT)	4 tiết (4LT)	Tuần 1 đến 2	SGK, màn chiếu, bộ máy tính, bảng nhóm, điện thoại.	Trong lớp, Phòng máy	6.1.CB2a: Mô tả được khái niệm AI và khả năng máy tính thực hiện nhiệm vụ giống con người. Nhận biết và giải thích khái niệm AI, phân tích các yếu tố cơ bản tạo nên.
	Bài 2. Trí tuệ nhân tạo trong khoa học và đời sống (3-4LT)					6.2.NC1c: Nhận diện được rủi ro đạo đức, pháp lý của AI. Nêu các nguy cơ thất nghiệp, xâm phạm riêng tư, dự đoán sai thiên lệch dữ liệu,...
	Chủ đề 2: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET					

2	Bài 3: Một số thiết bị mạng thông dụng (5-6LT)	7 tiết (5LT+2TH)	Tuần 3 đến 6	SGK, Bài giảng, màn chiếu, bộ máy tính, GV, đường truyền Internet, phiếu học tập, điện thoại.	Trong lớp, Phòng máy	5.1.NC1a: Lựa chọn và đề xuất thiết bị phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế để đảm bảo hoạt động mạng hiệu quả. HS so sánh thiết bị và đề xuất lựa chọn thiết bị phù hợp cho mạng gia đình, phòng tin, hoặc quán cafe.
	Bài 4: Giao thức mạng (7-8LT)					5.1.NC1a: Lựa chọn và đề xuất giao thức phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế để đảm bảo hoạt động mạng hiệu quả. HS so sánh thiết bị và đề xuất lựa chọn thiết bị phù hợp cho mạng gia đình, phòng tin, hoặc quán cafe.
	Bài 5: Thực hành chia sẻ tài nguyên trên mạng (9LT -10,11TH)					2.2.NC1a: Chia sẻ nội dung qua công nghệ số.
Chủ đề 3: ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HOÁ TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ						
3	Bài 6: Giao tiếp và ứng xử trong không gian mạng (12-13LT)	2 tiết (2LT)	Tuần 6 đến 7	SGK, Bài giảng, màn chiếu, bộ máy tính, bảng nhóm hoặc giấy Roki, phấn trắng + màu, phiếu học tập	Trong lớp	5.1.NC1a: HS phân tích các tình huống giao tiếp trên mạng xã hội (bình luận, chia sẻ thông tin) để nhận diện hành vi đúng – sai và đề xuất cách ứng xử có văn hóa. 2.5.NC1a: Biết giao tiếp và ứng xử trên không gian mạng cụ thể.
4	Ôn tập (14)	1	Tuần 7	SGK, bài giảng, máy chiếu	Trong lớp	
5	Kiểm tra giữa kì 1 (15)	1	Tuần 8	Giấy kiểm tra, phấn viết	Trong lớp	

Chủ đề 4: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH						
6	Bài 7: HTML và cấu trúc trang web (16-17LT)	25 tiết (13LT+12TH) 19	Tuần 8 đến tuần 17	SGK, Bài giảng, màn chiếu, bộ máy tính GV đã cài phần mềm soạn chương trình HTML, bảng nhóm hoặc giấy Roki, phấn trắng + màu,..	Trong lớp, Phòng máy	3.4.NC1a: Tạo được các mã lệnh HTML theo nhiệm vụ cụ thể 1.1.NC1b: Tìm kiếm các trang web hỗ trợ soạn thảo HTML trực tuyến.
	Bài 8: Định dạng văn bản (18LT-19TH)					3.4.NC1a: Tạo được các mã lệnh HTML để định dạng văn bản trong web. 5.3.NC1b: Sử dụng sáng tạo khi viết mã HTML để giải quyết các nhiệm vụ khác nhau về định dạng văn bản.
	Bài 9: Tạo danh sách, bảng (20LT- 21TH)					3.4.NC1a: Viết được các mã lệnh HTML để tạo danh sách, bảng trên trang web. 5.3.NC1b: Sử dụng sáng tạo khi viết mã HTML để giải quyết các nhiệm vụ khác nhau.
	Bài 10: Tạo liên kết (22LT- 23TH)					3.4.NC1a: Viết được các mã lệnh HTML để tạo liên kết trong trang web. 5.3.NC1b: Sử dụng sáng tạo khi viết mã HTML để giải quyết các nhiệm vụ về liên kết.
	Bài 11: Chèn tệp tin đa phương tiện và khung nội tuyến vào trang web (24LT- 25TH)					3.4.NC1a: Viết được các mã lệnh HTML để tạo nội dung số đa phương tiện trên trang web. 5.3.NC1b: Sử dụng sáng tạo khi viết mã HTML để giải quyết các nhiệm vụ khác nhau.
	Bài 12: Tạo biểu mẫu (26LT- 27TH)					3.4.NC1a: Viết được các mã lệnh HTML để tạo biểu mẫu web. 5.3.NC1b: Sử dụng sáng tạo khi viết mã HTML để giải quyết các nhiệm vụ về thu thập dữ liệu trên web.

	Bài 13: Khái niệm, vai trò của CSS (28-29LT)					<p>3.4.NC1a: Viết được các mã lệnh HTML/CSS .</p> <p>5.3.NC1b: Sử dụng sáng tạo khi viết mã HTML/CSS để giải quyết tối ưu các nhiệm vụ theo yêu cầu.</p>
	Bài 14: Định dạng văn bản bằng CSS (30LT- 31TH)					<p>3.4.NC1a: Viết được các mã lệnh HTML/CSS để định dạng văn bản web .</p> <p>5.3.NC1b: Sử dụng sáng tạo khi viết mã CSS để giải quyết tối ưu các định dạng văn bản web.</p>
	Bài 15: Tạo màu cho chữ và nền (32LT- 33TH)					<p>3.4.NC1a: Viết được các mã lệnh HTML/CSS để tạo màu cho chữ và nền văn bản web .</p> <p>5.3.NC1b: Sử dụng sáng tạo khi viết mã CSS để giải quyết tối ưu các nhiệm vụ khác nhau.</p>
	Bài 16: Định dạng khung (34LT)					<p>3.4.NC1a: Viết được các mã lệnh HTML/CSS để định dạng khung cho văn bản web.</p> <p>5.3.NC1b: Sử dụng sáng tạo khi viết mã HTML/CSS để tùy biến bố cục nội dung trên web.</p>
7	Ôn tập cuối học kỳ 1 (35)	1	Tuần 18	SGK, Bài giảng, màn chiếu	Trong lớp	
8	Kiểm tra cuối học kỳ I (36)	1	Tuần 18	Giấy kiểm tra, phần viết	Trong lớp	
9	Bài 16: Định dạng khung (tt) (37TH)	6	Tuần 19 đến tuần 21			<p>3.4.NC1a: Viết được các mã lệnh HTML/CSS để định dạng khung cho văn bản web.</p> <p>5.3.NC1b: Sử dụng sáng tạo khi viết mã HTML/CSS để tùy biến bố cục nội dung trên web.</p>

	Bài 17: Các mức ưu tiên của bộ chọn (38LT- 39TH)					<p>3.4.NC1a: Viết được các mã lệnh HTML/CSS để cho các kiểu bộ chọn khác nhau và định dạng theo thứ tự ưu tiên.</p> <p>5.3.NC1b: Sử dụng sáng tạo khi viết mã HTML/CSS trong vận hành web.</p>
	Bài 18: Thực hành tổng hợp thiết kế trang web (40, 41, 42TH)					<p>3.4.NC1a: Viết được các mã lệnh HTML/CSS để thực hiện các nhiệm vụ yêu cầu.</p> <p>5.3.NC1b: Sử dụng sáng tạo khi viết mã HTML/CSS thực hiện nhiệm vụ tạo bố cục trang web.</p>
	CHỦ ĐỀ 5: HƯỚNG NGHIỆP VỚI TIN HỌC					
10	Bài 19: Dịch vụ sửa chữa và bảo trì máy tính (43-44LT)	6 tiết (4LT +2TH)	Tuần 22 đến 24	SGK, Bài giảng, máy chiếu, máy tính, bảng nhóm hoặc giấy Roki, phấn trắng + màu, Phiếu học tập, công cụ đánh giá, bút trình chiếu (nếu có)	Trong lớp, Phòng máy	<p>1.1.NC1a: HS tìm kiếm thông tin số về nghề sửa chữa, bảo trì máy tính.</p> <p>1.2.NC1b: HS đánh giá nhu cầu nhân lực và triển vọng nghề nghiệp trong lĩnh vực này</p> <p>5.2.NC1b: HS định hướng nghề nghiệp gắn với trách nhiệm và đạo đức nghề CNTT.</p>
	Bài 20: Nhóm nghề quản trị thuộc ngành Công nghệ thông tin (45-46LT)					<p>1.1.NC1a: HS tìm kiếm thông tin về các nhóm nghề quản trị CNTT.</p> <p>1.2.NC1b: HS so sánh yêu cầu kỹ năng giữa các vị trí nghề nghiệp.</p> <p>5.2.NC1b: HS nhận thức vai trò xã hội và trách nhiệm nghề nghiệp của người làm CNTT.</p>

	Bài 21: Hội thảo Hướng nghiệp ^(47-48TH)					<p>1.1.NC1a: Duyệt, tìm kiếm và lọc thông tin, nội dung số về nghề nghiệp và đào tạo.</p> <p>1.2.NC1b: HS tổng hợp và đánh giá thông tin nghề nghiệp thu thập được.</p> <p>5.2.NC1b: Hiểu rõ nhu cầu sử dụng nhân lực CNTT để phát triển nghề nghiệp của bản thân.</p>
	Chủ đề 6. MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC					
10	Bài 22: Thực hành kết nối các thiết bị số ^(49-50-51-52TH)	4 tiết (4TH)	Tuần 25 đến 26	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm bảng nhóm hoặc giấy Roki, phấn trắng + màu, Phiếu học tập, công cụ đánh giá, bút trình chiếu (nếu có)	Trong lớp, Phòng máy	<p>1.3.NC1b: HS kết nối được các thiết bị số để hiển thị và truyền thông tin số.</p> <p>5.1.NC1a: Đánh giá được vấn đề kỹ thuật và vận hành thiết bị số.</p>
9	Ôn tập GHK2 ⁽⁵³⁾	1	Tuần 27	Bài giảng, màn chiếu	Trong lớp	
10	Kiểm tra giữa học kỳ 2 ⁽⁵⁴⁾	1	Tuần 27	Giấy kiểm tra, phấn viết, Đề kiểm tra	Trong lớp, Phòng máy	
	Chủ đề 7. ỨNG DỤNG TIN HỌC					

11	Bài 23: Chuẩn bị xây dựng trang web (55-56-57LT)	14 tiết (3LT+11TH)	Tuần 28 đến 34	SGK, Bài giảng, màn chiếu, máy tính GV đã cài phần mềm Google Sites, bảng nhóm hoặc giấy Roki, phấn trắng+ màu, Phiếu học tập, công cụ đánh giá, bút trình chiếu (nếu có)	Trong lớp, Phòng máy	1.3.NC1b: HS đánh giá, phân tích cấu trúc của các trang web.
	Bài 24: Xây dựng phần đầu trang web (58-59TH)					5.1.NC1b: Sử dụng được chức năng của phần mềm Google Sites để tạo phần đầu trang web. 5.2.NC1a: Đánh giá được nhu cầu cá nhân cần xây dựng phần đầu trang web cụ thể.
	Bài 25: Xây dựng phần thân và chân trang web (60-61TH)					5.1.NC1b: Sử dụng được chức năng của phần mềm Google Sites để tạo phần thân và chân trang web. 5.2.NC1a: Đánh giá được nhu cầu cá nhân cần xây dựng phần thân và chân trang web cụ thể.
	Bài 26: Liên kết và thanh điều hướng (62-63TH)					5.1.NC1b: Sử dụng được chức năng của phần mềm Google Sites để tạo liên kết các trang web. 5.2.NC1a: Đánh giá được nhu cầu cá nhân cần xây dựng liên kết các trang web cụ thể.
	Bài 27: Biểu mẫu trên trang web (64-65TH)					5.1.NC1b: Sử dụng được chức năng của phần mềm Google Sites để tạo biểu mẫu trên web. 5.2.NC1a: Đánh giá được nhu cầu cá nhân cần xây dựng biểu mẫu thu thập ý kiến người dùng trang web cụ thể.
	Bài 28: Thực hành tổng hợp (66-67-68TH)					1.3.NC1b: HS đánh giá, phân tích chủ đề phù hợp cho trang web và nội dung số cần trình bày trên trang web. 5.1.NC1b: Sử dụng Google Sites để tạo trang web theo yêu cầu. 5.2.NC1a: Đánh giá được nhu cầu cá nhân cần xây dựng trang web cụ thể. 5.3.NC1b: Sử dụng sáng tạo công nghệ số để giải quyết vấn đề.
13	Ôn tập cuối học kỳ 2 (69)	1	Tuần 35	Bài giảng, tivi, máy tính GV	Trong lớp	

14	Kiểm tra cuối học kỳ 2 (70)	1	Tuần 35	Giấy kiểm tra, Đề kiểm tra	Trong lớp	
----	------------------------------------	---	------------	----------------------------------	--------------	--

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông) Không dạy chuyên đề.

II. Nhiệm vụ khác (nếu có): (*Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...*)

- Tham gia cuộc thi giáo viên dạy giỏi cấp trường theo lịch trường.
- Tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở.

HIỆU PHÓ CHUYÊN MÔN

(*Ký và ghi rõ họ tên*)

Đà Nẵng, ngày 5 tháng 9 năm 2025

GIÁO VIÊN

(*Ký và ghi rõ họ tên*)

Bùi Thị Tuyết